

TÌM HIỂU MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VÀ HƯỚNG TIẾP CẬN VỀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI

ĐỖ VĂN QUÂN (*)

ĐÀO THỊ ANH THỦY (**)

Công bằng xã hội (CBXH; social justice) là vấn đề luôn được quan tâm trong mọi thời đại, mọi quốc gia. Nhận thức rõ về tầm quan trọng của CBXH trong quá trình xây dựng một thế giới hòa bình, thịnh vượng và bền vững cho tất cả mọi người, Liên Hợp Quốc đã công bố chọn ngày 20/2 hàng năm là *Ngày CBXH thế giới*. Liên Hợp Quốc cũng kêu gọi tất cả các quốc gia thành viên kỷ niệm ngày đặc biệt này bằng các hoạt động cụ thể, phù hợp với từng quốc gia. Tại Việt Nam, CBXH liên tục được khẳng định trong các Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, IX, X, XI. Điều đó chứng tỏ CBXH được coi là một trong những vấn đề trọng tâm trong đường lối, chiến lược phát triển đất nước của Đảng thời kỳ Đổi mới.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi tìm hiểu một số quan điểm và hướng tiếp cận về CBXH, từ đó nhằm góp phần hệ thống hóa, phân tích sự vận động của nội hàm khái niệm CBXH trên lát cắt khoa học và trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại.

1. CBXH như là thước đo, mục tiêu, động lực của sự phát triển xã hội

Từ thời cổ đại, trong quan điểm của nhiều học giả kinh điển, CBXH đã được coi là thước đo, mục tiêu và động lực của sự phát triển xã hội. CBXH trước hết là thước đo về mặt xã hội của tiến bộ xã hội. Theo Platon, trong xã hội đương thời hoàn toàn không có sự bình đẳng. Đó là điều tất yếu. Vì thế, ông cho rằng, sự bình đẳng giữa những người không bình đẳng là tệ xấu chủ yếu của nền dân chủ. Và đối với những người không bình đẳng, sự bình đẳng sẽ trở thành không bình đẳng. Sự bình đẳng chân chính là ở tính cân đối - người này với người khác. Sau Platon, Aristotle cũng là người đặc biệt quan tâm đến CBXH và có nhiều đóng góp quan trọng cho vấn đề này. *Aristotle là người đầu tiên phát hiện ra thước đo của CBXH nằm ở chính cơ sở kinh tế*, cơ sở của CBXH là

(*) TS., Văn phòng Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

(**) ThS., Viện Xã hội học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

sự công bằng trong *trao đổi vật phẩm*... Thước đo của công bằng trong quan hệ trao đổi hàng hóa là đóng góp rất lớn của Aristotle và phát hiện đó ngày càng được khẳng định cùng với sự phát triển của nền sản xuất hàng hóa (Theo: Nguyễn Minh Hoàn, 2009, tr.12-17).

CBXH chính là *động lực tích cực của sự vận động và phát triển xã hội*, trước hết ở nguyên tắc phân phối công bằng. Sự phân phối không công bằng tất yếu sẽ làm suy giảm lòng nhiệt tình cống hiến của những người có nhiều cống hiến, làm tăng sự lười biếng và lối sống dựa dẫm vào xã hội của những kẻ có ít cống hiến. Sự bất công xã hội ấy tất yếu sẽ làm suy giảm động lực phát triển kinh tế - xã hội. Với tính cách là động lực phát triển kinh tế-xã hội, CBXH hoàn toàn mang tính khách quan, phổ biến và tất yếu (Nguyễn Minh Hoàn, 2009, tr.112-113).

Ở thời kỳ hiện đại, vấn đề CBXH tiếp tục được nhiều học giả nhấn mạnh có vai trò đặc biệt đối với sự phát triển của xã hội. Nhà xã hội học người Pháp E. Durkheim quan niệm: các xã hội hiện đại chỉ có thể ổn định nếu tôn trọng CBXH. Còn nhà xã hội học Mỹ J. Rawls cho rằng, *những bất công về kinh tế và xã hội phải được tổ chức sao cho mọi người có thể chấp nhận được và chúng được gắn với những vị trí và chức năng được mở ra cho tất cả mọi người* (Theo: Nguyễn Duy Quý, 2007, *Kỷ yếu hội thảo*..., tr.371). Về vấn đề này, Nguyễn Minh Hoàn nhấn mạnh: Trong một hình thái kinh tế - xã hội, khi nào mà CBXH dựa trên xuất phát điểm bình đẳng giữa người và người trong quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất, còn thước đo bình đẳng của sự công bằng ấy là nguyên tắc phân phối theo lao động thì đó chính là

một sự CBXH đúng là của con người, do con người, vì con người. Hơn nữa, nguyên tắc phân phối công bằng theo nghĩa trên ngày càng chiếm ưu thế sẽ càng trở thành động lực mạnh mẽ, vừa thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế, vừa phát triển con người với tư cách là chủ thể của xã hội (Nguyễn Minh Hoàn, 2009, tr.116-117). Theo tác giả Trần Cao Đoàn, chức năng chính của CBXH như là một phương tiện để biến đổi xã hội chúng ta thành một thế giới nhân văn, hài hòa và đáng hoan nghênh hơn (Trần Cao Đoàn, 2007, *Kỷ yếu hội thảo*..., tr.200).

Trong một bài viết, tác giả Nguyễn Gia Thơ khẳng định: CBXH chính là mục tiêu của sự phát triển xã hội. Sự phát triển trong lịch sử nhân loại cho đến ngày nay, *xét theo một nghĩa nào đó là sự phát triển và điều chỉnh về công bằng và bình đẳng xã hội*. CBXH không thể đo bằng số lượng, mà chỉ có thể biết được mặt chất của nó: đó là khi sự bất công biến từ lượng thành chất và khi đó các xung đột xã hội xảy ra mà đỉnh cao của các xung đột là cách mạng xã hội. *Các cuộc cách mạng diễn ra trong lịch sử chính là sự điều chỉnh lại CBXH* (Nguyễn Gia Thơ, 2007, *Kỷ yếu hội thảo*..., tr.136-137). Đặc biệt, ở Việt Nam hiện nay, *công bằng là mục tiêu xây dựng CNXH, đồng thời cũng là động lực thúc đẩy sự phát triển của đất nước*. Việc thực hiện CBXH kích thích mọi người, tùy theo khả năng, sức lực của mình, cùng tham gia vào xây dựng cuộc sống mới (Nguyễn Minh Hoàn, 2009, tr.52).

Như vậy, CBXH và phát triển xã hội mang tính chi phối lẫn nhau. CBXH mang lại sự ổn định chính trị trong xã hội; CBXH mang lại sự tăng trưởng

trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; CBXH tạo ra bầu không khí thân thiện trong cộng đồng, xã hội. Và như vậy, CBXH là thước đo, động lực và mục tiêu phát triển trong lịch sử nhân loại nói chung và mỗi quốc gia dân tộc nói riêng.

2. CBXH như là nguyên tắc, giá trị và chuẩn mực điều chỉnh quan hệ xã hội

J. Rawls nhận ra rằng, có hai nguyên tắc để thực hiện CBXH: 1) Nguyên tắc *mỗi cá nhân cần phải có quyền như nhau đối với tự do trong quan hệ tự do với người khác*; 2) Nguyên tắc *các bất bình đẳng về kinh tế và xã hội cần phải được thiết lập trong xã hội tương lai sao cho các bất bình đẳng đó đáp ứng được lợi ích của mỗi người* (Theo: Nguyễn Gia Thơ, 2007, *Kỷ yếu hội thảo...*, tr.113). Theo đó, sự bình đẳng của những nguyên tắc này phụ thuộc vào sự công bằng của tiến trình mà những nguyên tắc này có thể được quy kết và thoả thuận. Một thể chế xã hội là không công bằng nếu thể chế đó bị những người ở một giai cấp này lợi dụng những nhân tố ngẫu nhiên để biến thành những đặc quyền, đặc lợi cho mình và bất lợi cho những người ở giai cấp khác không biết về sự chi phối của những yếu tố ngẫu nhiên đó (Nguyễn Minh Hoàn, 2009, tr.34).

Nhấn mạnh đến quyền tự do điều chỉnh quan hệ giữa người với người trong xã hội, J. Rawls cho rằng, muốn thực hiện CBXH thì bên cạnh việc phân chia mọi nguồn của cải vật chất, còn phải phân chia quyền tự chủ cho mỗi cá nhân, thực hiện phân công lao động và văn hóa (Theo: Nguyễn Minh Hoàn, 2009, tr.36).

Theo khuynh hướng nhấn mạnh nguyên tắc CBXH, tác giả Nguyễn Ngọc Hà cho rằng, *nguyên tắc phân phối theo cống hiến* được coi là công bằng vì nó

thừa nhận chế độ làm thuê, nó cho phép mọi người đều được hưởng khoản thu nhập, kể cả người đó không lao động nhưng có tham gia đóng góp vốn, và do đó nó thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế-xã hội. Ở đây, *có sự khác nhau giữa nguyên tắc phân phối theo lao động và nguyên tắc phân phối theo cống hiến*. Từ chỗ khẳng định nguyên tắc phân phối theo lao động là công bằng, nhiều học giả đã chuyển sang nhấn mạnh nguyên tắc phân phối theo cống hiến để đảm bảo CBXH, nguyên tắc phân phối theo lao động chỉ căn cứ vào sự cống hiến của sức lao động mà không căn cứ vào sự cống hiến của vốn (Nguyễn Ngọc Hà, 2007, *Kỷ yếu hội thảo...*, tr.242-243).

Theo khuynh hướng nhấn mạnh sự điều chỉnh quan hệ xã hội, tác giả Nguyễn Tấn Hùng và cộng sự cho rằng, bản chất của CBXH là sự tương xứng (sự phù hợp) giữa một loạt *các khía cạnh khác nhau trong quan hệ giữa cái mà cá nhân, nhóm xã hội làm cho tập thể, cho xã hội hoặc cho cá nhân, nhóm xã hội khác với cái mà họ được hưởng từ tập thể, xã hội hay từ cá nhân, nhóm xã hội khác*. Cái mà cá nhân làm có thể là điều tốt lành cho xã hội (lao động, cống hiến, công lao...) hoặc cũng có thể là điều xấu, có hại cho xã hội (phạm tội). Còn cái mà cá nhân được hưởng có thể là tiền công, phần thưởng, quyền lợi, địa vị xã hội, sự đánh giá... của xã hội và cũng có thể là sự trừng phạt của xã hội (Nguyễn Tấn Hùng, Lê Hữu Ái, 2007, *Kỷ yếu hội thảo...*, tr.352-353). Về vấn đề này, tác giả Nguyễn Minh Hoàn nhấn mạnh, trong lĩnh vực kinh tế - xã hội nhất định bao giờ cũng là sự thể hiện bình đẳng ở mỗi quan hệ xác định: thứ nhất là, *sự bình đẳng trong việc thực hiện nghĩa vụ*; thứ hai là, *sự bình đẳng trong việc hưởng quyền lợi*; thứ ba

là, bản thân mối quan hệ tương ứng hoặc không tương ứng giữa sự ngang nhau (bình đẳng) trong việc thực hiện nghĩa vụ với sự ngang nhau (bình đẳng) trong việc hưởng thụ quyền lợi ở việc thực hiện cùng một nghĩa vụ ấy (Nguyễn Minh Hoàn, 2009, tr.10).

Tác giả Phạm Thị Ngọc Trâm cho rằng, CBXH là sự ngang bằng nhau trong mối quan hệ giữa người và người. Một mặt, sự ngang bằng nhau đó phải tuân thủ theo nguyên tắc về sự phù hợp một cách hợp lý giữa cống hiến và hưởng thụ, giữa nghĩa vụ và quyền lợi được thực hiện thông qua các hình thức phân phối khác nhau (theo lao động, hiệu quả kinh tế, vốn và các nguồn lực khác). Mặt khác, sự ngang bằng nhau phải là mọi người đều được bình đẳng trước pháp luật, bình đẳng về cơ hội sống, làm việc, cống hiến tài năng và sức lực của mình để có được sự hưởng thụ tương xứng, cũng như cơ hội tiếp cận với cơ sở hạ tầng và các dịch vụ xã hội (Phạm Thị Ngọc Trâm, 2007, *Kỷ yếu hội thảo...*, tr.489).

Tiếp cận CBXH trên cơ sở nhấn mạnh hệ giá trị, tác giả Bùi Đại Dũng và cộng sự cho rằng, CBXH là tình trạng mà mọi quyền lợi, nghĩa vụ của các thành viên xã hội có và được thực hiện phù hợp với các giá trị xã hội để khuyến khích tối đa khả năng đóng góp và hạn chế tối thiểu khả năng gây hại của mỗi cá nhân cho xã hội trong dài hạn (Bùi Đại Dũng, Phạm Thu Phương, 2009). Trong khi đó, tác giả Dương Văn Thịnh cho rằng, CBXH thực chất là mối quan hệ lợi ích của con người trong xã hội. Lợi ích của con người biểu hiện trên nhiều lĩnh vực, trong đó lợi ích về kinh tế là cơ bản nhất, có ý nghĩa quyết định đến lợi ích trên các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Giải quyết vấn đề

CBXH trước hết phải giải quyết trên lĩnh vực kinh tế và phải thực hiện từng bước, xuất phát từ những điều kiện thực tế của sự phát triển sản xuất (Dương Văn Thịnh, 2007, *Kỷ yếu hội thảo...*, tr.156-157). Cũng trên tinh thần này, các tác giả thuộc Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương cho rằng: CBXH có thể được hiểu là một giá trị cơ bản định hướng cho việc giải quyết mối quan hệ giữa người với người trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, theo nguyên tắc cống hiến về vật chất và tinh thần ngang nhau cho sự phát triển của xã hội thì được hưởng thụ ngang nhau những giá trị vật chất và tinh thần do xã hội tạo ra phù hợp với khả năng hiện thực của xã hội (Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, 2008).

Theo khuynh hướng tiếp cận CBXH như là nguyên tắc, giá trị chuẩn mực điều chỉnh các quan hệ xã hội, có một đặc điểm ở các học giả là thường nhấn mạnh sự tự nguyện như là thước đo thực sự của CBXH, đặc biệt trong quan hệ kế hoạch xã hội. Xuất phát từ luận điểm này, các nhà khoa học cho rằng CBXH có chức năng rất lớn trong điều chỉnh hành vi chính trị của thể chế chính trị, chính đảng cầm quyền, cơ quan công quyền. Như vậy, bản chất của CBXH chính là sự phù hợp giữa một loạt khía cạnh thể hiện các phương diện khác nhau trong mối quan hệ giữa cái mà cá nhân (hay nhóm xã hội) làm và cái mà họ được hưởng từ xã hội. CBXH không chỉ thể hiện trong mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội mà còn thể hiện trong quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, giữa các nhóm xã hội khác nhau. Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng trực xuyên suốt các quan hệ trong phạm trù CBXH vẫn luôn là mối quan hệ tương ứng giữa cống hiến ngang nhau thì hưởng thụ

ngang nhau, trong đó các khái niệm cống hiến và hưởng thụ ở đây được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả những cống hiến và hưởng thụ tích cực (như công trạng và tôn vinh), tiêu cực (như tội phạm và trừng phạt) (Nguyễn Minh Hoàn, 2009, tr.56). Như vậy, CBXH luôn được xem như là nguyên tắc, giá trị, chuẩn mực có chức năng góp phần điều chỉnh quan hệ xã hội.

3. CBXH và mối quan hệ với sự bình đẳng xã hội

CBXH và sự bình đẳng xã hội dường như được một số học giả hiểu là hoàn toàn giống nhau. Aristotle cho rằng, *công bằng là sự bình đẳng giữa những người có cùng địa vị xã hội*. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, CBXH có mối *quan hệ chặt chẽ với bình đẳng xã hội*, bình đẳng trước hết là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi, đồng thời việc thực hiện sự bình đẳng giữa người với người trong mối quan hệ giữa thực hiện nghĩa vụ và thụ hưởng quyền lợi ấy lại chính là thực hiện CBXH. Việc thực hiện một chế độ phân phối công bằng, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là thực hiện nguyên tắc phân phối trong đó phần hưởng thụ tương xứng với mức độ đóng góp, cống hiến của từng cá nhân, chứ hoàn toàn không phải là sự ngang bằng về hưởng thụ giữa các cá nhân mà không tính đến sự cống hiến của từng người (Theo: Nguyễn Minh Hoàn, 2009, tr.14, 49).

Tuy nhiên, theo cách quan niệm của một số học giả khác, CBXH và bình đẳng xã hội không hẳn là sự trùng khít với nhau. Theo tác giả Lê Hữu Tầng, *CBXH và bình đẳng xã hội tuy gần nhau nhưng chúng vẫn là hai khái niệm*. Khi nói tới bình đẳng xã hội, người ta muốn nói tới sự ngang bằng nhau giữa người với người về một phương diện nào đó. Còn khi nói sự

ngang bằng nhau giữa người với người về mọi phương diện tức là ta nói tới một sự bình đẳng xã hội hoàn toàn. Trong khi đó CBXH cũng là một dạng (chỉ là một dạng mà thôi) của bình đẳng xã hội. CBXH là sự bình đẳng giữa người và người, nhưng bình đẳng ở đây không phải theo nghĩa thông thường (là sự ngang bằng giữa người và người về điều kiện cụ thể nào đó), mà bình đẳng xét trong mối quan hệ tương ứng giữa cống hiến và hưởng thụ (Lê Hữu Tầng, 2007, *Kỷ yếu hội thảo...*, tr.63, 301).

Như vậy, từ những vấn đề như vừa nêu có thể thấy có nhiều quan niệm khác nhau về CBXH, tuy vậy khái niệm CBXH dù được quan niệm đa dạng như thế nào thì bao giờ nó cũng gắn với khái niệm bình đẳng xã hội. Sự bình đẳng ở đây được coi là thước đo tiêu chí, mục tiêu của thực hiện CBXH.

4. Các dạng thức CBXH

Vấn đề CBXH trên các khía cạnh khác nhau đã được các nhà khoa học trên thế giới cụ thể hoá, lượng hóa trở thành những nguyên tắc - thước đo cụ thể về CBXH. Trong đó, đáng chú ý là quan niệm của một số học giả phương Tây hiện đại về những nguyên tắc - thước đo của CBXH, thể hiện ở: *bình đẳng về cơ hội* (equality of opportunity); *bình đẳng về cơ hội công bằng* (fair equality of opportunity); *bình đẳng về kết quả* (equality of outcome); hay *bình đẳng ở vị thế khởi thủy* (original position); thậm chí cả ở *nguyên tắc bình quân chủ nghĩa* (egalitarianism) (Theo: Nguyễn Minh Hoàn, 2009, tr.11).

Đáng chú ý, hiện nay các học giả nhấn mạnh đồng thời ba trụ cột khi đề cập đến CBXH, đó là: công bằng pháp lý; công bằng chính trị; công bằng kinh tế. *Công bằng pháp lý*: việc áp dụng luật

pháp và các quy trình đối với cá nhân và tổ chức thông qua hệ thống quy tắc được đưa ra và thiết lập có thể theo tập tục hay ý chí của nhà nước. *Công bằng chính trị*: vấn đề độc lập hay phụ thuộc xuất hiện từ sự phụ thuộc lẫn nhau theo mức độ quyền lực và ảnh hưởng của những người tham gia hay các bên tham gia đối với mối quan hệ. Theo Aristotle, công bằng chính trị được xem như là phúc lợi chung mà chỉ có chính trị mới giúp đạt được nó, công bằng chính trị có mục đích tự thỏa mãn và chỉ có thể có được ở những người tự do và bình đẳng (Theo: Nguyễn Gia Thọ, 2007, *Kỷ yếu hội thảo...*, tr.127). Liên quan đến *công bằng kinh tế*, tác giả Lê Hữu Tầng cho biết, trong kinh tế học người ta phân biệt hai khái niệm khác nhau về CBXH: CBXH theo chiều ngang nghĩa là đối xử như nhau với những người có đóng góp như nhau; còn CBXH theo chiều dọc nghĩa là đối xử khác nhau với những người có những khác biệt bẩm sinh hoặc có các điều kiện sống khác nhau (Lê Hữu Tầng, 2007, *Kỷ yếu hội thảo...*, tr.302).

Như vậy, cách hiểu và phân chia các dạng thức về CBXH là rất đa dạng và phong phú. Tùy từng mục tiêu hay góc độ khoa học tiếp cận mà có những tiêu chí phân chia hoặc mối quan tâm đến một khía cạnh nhất định của CBXH.

5. Những giới hạn lịch sử và sự kỳ vọng về CBXH

Thực tế cho thấy CBXH luôn là sự kỳ vọng của nhân loại trong tiến trình phát triển của mình. Bàn luận ở khía cạnh này, tác giả Vũ Văn Viên cho rằng, CBXH là một phạm trù lịch sử. *CBXH chịu sự quy định của những điều kiện lịch sử cụ thể nhất định*. Với những điều kiện lịch sử khác nhau thì CBXH cũng có những nội dung khác nhau (Vũ Văn Viên, 2007, *Kỷ yếu hội thảo...*, tr.479).

Còn theo tác giả Dương Văn Thịnh, công bằng là sản phẩm của đời sống xã hội, là quan hệ giữa con người với con người hình thành trong quá trình con người hoạt động sinh sống. Vì là sản phẩm của đời sống mà đời sống thì luôn vận động biến đổi, cho nên công bằng cũng phải vận động biến đổi cùng với những điều kiện tồn tại xã hội và đời sống xã hội (Dương Văn Thịnh, 2007, *Kỷ yếu hội thảo...*, tr.156).

Trong xã hội cộng sản nguyên thủy, việc phân phối trực tiếp và bình quân sản phẩm của lao động là đặc trưng cơ bản của nguyên tắc CBXH. Đến thời kỳ chế độ chiếm hữu nô lệ, nguyên tắc phân phối của quan hệ sản xuất này đã tồn tại song song với quan hệ trao đổi ngang giá của nền sản xuất hàng hóa. Trong đó, nguyên tắc phân phối theo quan hệ sản xuất chiếm hữu nô lệ giữ vị trí thống trị, còn nguyên tắc trao đổi ngang giá có vị trí thứ yếu. Bước sang chế độ phong kiến, CBXH được dựa trên *nguyên tắc quan hệ trao đổi ngang giá trong nền sản xuất hàng hóa nhỏ* (của người lao động tự do dựa vào sức lao động và tư liệu sản xuất của chính mình). Nó thể hiện mức độ nhất định của sự CBXH và sự giải phóng con người khỏi chế độ lao động bị nô dịch. (Nguyễn Minh Hoàn, 2009, tr.13-22).

Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, với đặc trưng là quan hệ trao đổi ngang giá trong nền sản xuất hàng hóa tư bản đã trở thành thống trị và động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của lực lượng sản xuất, nguyên tắc trao đổi ngang giá chính thức là thước đo của CBXH. Tuy về kinh tế mọi quan hệ được coi là công bằng khi chúng dựa trên nguyên tắc trao đổi ngang giá, nhưng thực tế là *trong lĩnh vực chính trị và các quan hệ xã hội khác, mọi người được tuyên bố là*

bình đẳng trước pháp luật, tuy nhiên đó chỉ là một hệ thống pháp luật nhằm bảo vệ trước hết lợi ích của giai cấp thống trị đương thời (Nguyễn Minh Hoàn, 2009, tr.20). Vấn đề này có trong hai lập luận của K. Marx: thứ nhất, mọi kiểu công bằng (kể cả công bằng có tính phân phối) là không công bằng, chừng nào quan hệ giai cấp còn không thật; thứ hai, công bằng là không thể khi quan hệ sản xuất vẫn còn bị thao túng bởi các nhà tư bản. Đây là hai nhân tố tạo nên mọi sự bất công có tính phân phối (Theo: Trần Cao Đoàn, 2007, *Kỷ yếu hội thảo...*, tr.217). Không đồng tình với quan niệm CBXH theo kiểu tư sản, những người theo CNXH không tưởng đã đề xuất những ý tưởng, nguyện vọng về cách mạng xã hội là một trong những dấu mốc đặc trưng của những tư tưởng đấu tranh cho một xã hội công bằng và bình đẳng, vì hạnh phúc của đông đảo quần chúng nhân dân, dựa vào chế độ sở hữu công cộng... Những người cộng sản không tưởng đã xây dựng lý tưởng CBXH của mình *không phải bằng nguyên tắc trao đổi ngang giá dựa trên chế độ sở hữu tư sản mà bằng nguyên tắc phân phối đồng đều những sản phẩm lao động cho toàn thể mọi cá nhân trong xã hội dựa trên chế độ sở hữu công cộng* (Nguyễn Minh Hoàn, 2009, tr.21).

Không chấp nhận CBXH theo kiểu tư sản cũng như CNXH không tưởng, theo quan điểm của K. Marx, CBXH chỉ thực sự có được trong CNXH, bởi vì chỉ khi đó chế độ tư hữu mới bị thủ tiêu, chế độ công hữu mới được thiết lập, và do đó mới có xuất phát điểm bình đẳng trong quan hệ phân phối đảm bảo CBXH. *Nói cách khác, cơ sở của CBXH trong CNXH chính là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất*. Đồng thời, đứng trên lập trường

bảo vệ lợi ích của giai cấp vô sản, K. Marx đi đến xây dựng quan điểm về CBXH mà nội dung chủ yếu là *nguyên tắc phân phối theo lao động* (Theo: Nguyễn Minh Hoàn, 2009, tr.37-44). Trong quá trình lãnh đạo của mình, Hồ Chí Minh cũng luôn quán triệt lý tưởng CBXH được cụ thể hóa bằng những chỉ dẫn chú trọng xây dựng các chính sách bảo đảm quyền con người, sự phân phối công bằng, công lý và bình đẳng xã hội (Lê Thị Lan, 2007, *Kỷ yếu hội thảo...*, tr.322).

Có thể thấy rằng, trình độ đạt được của CBXH trong mỗi thời kỳ lịch sử nhất định là thước đo về mặt xã hội của tiến bộ xã hội tương ứng với thời kỳ lịch sử đó (Nguyễn Minh Hoàn, 2009, tr.162). *Trong xã hội quá độ và xây dựng CNXH, vẫn còn tồn tại nhiều hình thức sở hữu khác nhau nên đương nhiên vẫn còn tồn tại nhiều hình thức phân phối. Nhưng cùng với chế độ công hữu ngày càng chiếm vai trò chủ đạo thì nguyên tắc phân phối theo lao động cũng ngày càng mang tính chủ đạo*.

6. Thay lời kết

Từ những vấn đề như vừa phân tích ở trên, có thể thấy CBXH là mối quan tâm lớn của nhân loại, nhất là của giới khoa học ngay từ thời cổ đại, và cho đến ngày nay nó vẫn tiếp tục dòng chảy này. Trong thời đại ngày nay, CBXH đã trở thành một mục tiêu, động lực trực tiếp của sự phát triển lành mạnh và bền vững ở tất cả các quốc gia trên thế giới. CBXH là một điều kiện nền tảng để chung sống hòa bình và thịnh vượng đối với mọi giai tầng xã hội và giữa các dân tộc với nhau. Trên thế giới hiện nay, người ta nhìn nhận và đánh giá mức độ thực hiện CBXH trước hết qua các chỉ số thu nhập. Ngoài ra, các chỉ số thể hiện mức độ thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của con người,

đảm bảo sự phát triển của cá nhân cũng là những yếu tố quan trọng.

Đối với Việt Nam, CBXH cũng là mục tiêu phấn đấu xuyên suốt của Đảng và Nhà nước. Đối với nguyên tắc phân phối nhằm đảm bảo CBXH, kinh tế thị trường định hướng XHCN thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, tr.88). Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng lý luận chưa giải đáp được một số vấn đề của thực tiễn đổi mới và xây dựng phát triển đất nước, đặc biệt là trong việc giải quyết mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng với chất lượng phát triển; giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện CBXH (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006, tr.69).

CBXH chịu tác động của rất nhiều yếu tố, do đó muốn có CBXH phải tiến hành một hệ thống những giải pháp hữu hiệu, khả thi. Trước mắt, để có được CBXH tại Việt Nam, cần phải xem xét một cách khách quan và nghiêm túc vấn đề phân phối thu nhập trong xã hội. Tính công bằng trong phân phối thu nhập trước hết quyết định bởi việc thực hiện nguyên tắc "hưởng theo cống hiến". Nguyên tắc hưởng theo cống hiến không cho phép dành những khoản thu nhập lớn cho bất cứ đối tượng nào không có đóng góp cho xã hội □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc

lần thứ X, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Nguyễn Minh Hoàn (2009), *CBXH trong tiến bộ xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. *Kỷ yếu hội thảo quốc tế: CBXH, trách nhiệm xã hội và đoàn kết xã hội* (2007), VASS và MISEREOR đồng tổ chức, Hà Nội. Các bài viết: Nguyễn Duy Quý, *CBXH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN*; Trần Cao Đoàn, *Nhìn lại sự phê phán của C.Mác đối với công bằng trong phân phối*; Nguyễn Gia Thơ, *CBXH và bình đẳng xã hội trong lịch sử triết học và chính trị học phương Tây*; Nguyễn Ngọc Hà, *Tiêu chí của sự CBXH*; Nguyễn Tấn Hùng, Lê Hữu Ái, *CBXH: mâu thuẫn và phương pháp giải quyết*; Phạm Thị Ngọc Trâm, *Kết hợp mục tiêu kinh tế và mục tiêu xã hội nhân văn trong thực hiện CBXH ở Việt Nam*; Dương Văn Thịnh, *Quan niệm của chủ nghĩa Mác-Lênin về CBXH và sự vận dụng quan niệm đó vào CBXH ở Việt Nam*; Lê Hữu Tầng, *CBXH và công bằng ở Việt Nam*; Phạm Thành Nghị, *CBXH và phát triển bền vững*; Vũ Văn Viên, *CBXH với cổ phần hóa ở Việt Nam hiện nay*; Lê Thị Lan, *Quan niệm về CBXH trong tư duy người Việt*.
5. Bùi Đại Dũng, Phạm Thu Phương (2009), "Tăng trưởng kinh tế và CBXH", *Tạp chí Khoa học, Chuyên san Kinh tế và Kinh doanh*, số 25.
6. Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (2008), *Công bằng xã hội và công bằng phân phối ở Việt Nam hiện nay*, CIEM, Trung tâm Thông tin - Tư liệu, Hà Nội.